TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HOÀ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quế.
2. Bà Phan Thị Hương Thanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HS ngày 15/5/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 12 năm 1967, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Đ (chết) và bà Dương Thị H (chết); vợ: Đào Thị N, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 27/7/2001, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 6.000.000đ (sáu triệu đồng) về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 32/HSST; Ngày 27/7/2007, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 1.000.000đ (một triệu đồng) về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 66/2007/HSST; Ngày 25/4/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 03 (ba) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 11/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/8/2013; Ngày 15/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 04 (bốn) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 11/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/02/2017; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020, được tại ngoại (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Tiến D, tên gọi khác: Không; sinh ngày 13 tháng 11 năm 1991, tại thị xã T, Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng B, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020, được tại ngoại (có mặt).

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10 tháng 8 năm 1971, tại huyện T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Phùng Thị T (chết); vợ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, phạt bổ sung 3.000.000đ (ba triệu đồng) về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 71/2013/HSST; Ngày 28/8/2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 05 (năm) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 35/2017/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/10/2017; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020, được tại ngoại (có mặt).

4. Họ và tên: Lê Tân H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 09 tháng 3 năm 1971, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T (chết) và bà Vũ Thị T, sinh năm 1940; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/9/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Q xử phạt 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 45/HSST; Ngày 03/5/2007 bị UBND huyện N xử áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, theo Quyết định số 599/QĐ-UBND, chấp hành xong ngày 30/4/2008; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2020 đến ngày 15/02/2020, được tại ngoại (có mặt).

5. Họ và tên: Bùi Xuân H, tên gọi khác: Không; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1986, tại thị xã T, Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm B, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hữu Đ (chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1965; vợ: Thái Thị Hà T, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020, được tại ngoại (có mặt).

- Người làm chứng: Anh Trần Đình K, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 05/02/2020 Nguyễn Hữu T, Lê Tân H, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Tiến D gặp nhau tại khu vực xóm P, xã T, thị xã T. Lúc này các đối tượng nảy sinh ý định đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa ăn tiền nên thống nhất đánh bạc tại lô cao su thuộc xóm P, xã T, thị xã T. Sau đó, Nguyễn Hữu T về nhà và chuẩn bị 01 (một) tấm bạt, kích thước (2,23 x1,73)m, một mặt màu xanh, một mặt màu da cam; 01 (một) chiếc đèn pin màu đen; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng;

04 (bốn) con đĩ được cắt từ lá bài tú lơ khơ chất rô, một mặt màu xanh, một mặt màu đỏ, trắng; 01 (một) chày bằng gỗ màu vàng; 01 (một) trụ bằng sắt, một đầu được mài sắc; 01 (một) thanh gỗ đưa đến lô cao su để các đối tượng sử dụng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày các đối tượng bắt đầu tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa, với tỷ lệ đặt cược mỗi ván thấp nhất là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), cao nhất tùy vào các con bạc đặt cược. Khoảng 05 phút sau, có Bùi Xuân H và anh Trần Đình K đến. Lúc này, H cùng ngồi tham gia đánh bạc với Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Lê Tân H và Nguyễn Tiến D còn anh Trần Đình K chỉ ngồi xem. Quá trình tham gia đánh bạc, Nguyễn Hữu T, Bùi Xuân H và Lê Tân H thay nhau cầm cái xóc đĩa, lúc này Nguyễn Hữu T có vay của Lê Tân H số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) để tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày khi các đối tượng đang tham gia đánh bạc thì tổ công tác Công an Thị xã T phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.600.000đ (mười triệu, sáu trăm nghìn đồng), thu giữ trong túi áo khoác bên phải mà Nguyễn Hữu T đang mặc số tiền 7.500.000đ (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là số tiền mà Nguyễn Hữu T khai nhận sử dụng để đánh bạc và thu giữ toàn bộ vật chứng là công cụ, phương tiện các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định được Nguyễn Hữu T sử dụng số tiền 10.300.000đ (mười triệu, ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua bạc 2.800.000đ (hai triệu, tám trăm nghìn đồng), Nguyễn Tiến D sử dụng số tiền 3.500.000đ (ba triệu, năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thắng bạc 1.800.000đ (một triệu, tám trăm nghìn đồng), Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền 2.500.000đ (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thắng bạc số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng); Lê Tân H sử dụng số tiền 1.500.000đ (một triệu, năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua bạc số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), Bùi Xuân H sử dụng số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để đánh bạc và thua bạc hết số tiền trên. Như vậy, tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc vào ngày 05/02/2020 là 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng).

Tại kết luận giám định số 57/KL-PC09(Đ3) ngày 23/02/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng) thu giữ của các đối tượng gửi đến giám định là tiền thật.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến D, Lê Tân H và Bùi Xuân H về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 04 (bốn) đến 05 (năm) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 04 (bốn) đến 05 (năm) tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 - BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Tân H từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 15% đến 20%.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS: Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Tiến D từ 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) đến 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS: Xử phạt tiền bị cáo Bùi Xuân H từ 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) đến 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 47 - BLHS; khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng); tịch thu tiêu hủy 01 (một) tấm bạt, kích thước (2,23 x1,73)m, một mặt màu xanh, một mặt màu da cam; 01 (một) chiếc đèn pin màu đen; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (môt) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) con đĩ được cắt từ lá bài tú lơ khơ chất rô, một mặt màu xanh, một mặt màu đỏ, trắng; 01 (môt) chày bằng gỗ màu vàng; 01 (một) trụ bằng sắt, một đầu được mài sắc; 01 (một) thanh gỗ là công cụ, phương tiện mà bị cáo và các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Các bị cáo đều nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 50 phút, ngày 05/02/2020, tại xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An và các vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được khoảng 22 giờ 20 phút, ngày 05/02/2020, tại lô cao su thuộc xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến D, Lê Tân H đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "xóc đĩa" ăn tiền, đặt cược mỗi ván thấp nhất là 100.000đ (một trăm nghìn đồng), cao nhất tùy người chơi, khoảng 05 phút sau thì Bùi Xuân H đến cùng tham gia đánh bạc. Đến 22 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã T bắt quả tang thu giữ tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng), nên hành vi của các bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ nạn đánh bạc. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hay hiện vật dưới bất kỳ hình thức nào cũng đều bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Vụ án có nhiều bị cáo cùng tham gia đánh bạc nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công, canh gác cho việc thực hiện hành vi phạm tội nên vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó bị cáo T là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp cầm cái xóc đĩa, đồng thời sử dụng số tiền 10.300.000đ để tham gia đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án. Bị cáo D sử dụng số tiền 3.500.000đ để đánh bạc nên phải chịu trách hiện hình sự ở vai trò thứ hai trong vụ án. Bị cáo Đ sử dụng số tiền 2.500.000đ để đánh bạc, bị cáo H sử dụng số tiền 1.500.000đ để đánh bạc nhưng bị cáo H đã trực tiếp cầm cái xóc đĩa cho các bị cáo khác đánh bạc, do đó bị cáo Đ và bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ ba trọng vụ án. Bị cáo H là người trực tiếp cầm cái xóc đĩa cho các bị cáo khác đánh bạc nhưng bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc ít hơn tất cả các bị cáo khác nên phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò sau của vụ án.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng:

Tất cả các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nhưng các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Lê Tân H đều có nhân thân xấu. Bị cáo T đã từng bốn lần bị bị kết án về tội đánh bạc, bị cáo Đ đã từng hai lần bị kết án về tội đánh bạc, bị cáo H đã một lần bị kết án về tội đánh bạc, tuy các bị cáo đã đương nhiên xóa án tích nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe, giáo dục, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ các bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần xét xử nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ do các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho các bị cáo T, Đ, H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và đều có bố được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Bị cáo Đ, H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Mặt khác bị cáo Đ đã báo tin giúp đồn biên phòng H bắt giữ đối tượng "Vận chuyển trái phép chất ma túy" vào ngày 09/02/2020, được đồn biên phòng H xác nhận, bị cáo T đã có thành tích giúp Đồn Biên phòng của khẩu Cảng C - B bắt giữ đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy được Đồn Biên phòng xác nhận. Bị cáo H có thành tích cứu giúp người bị đuối nước, được chính quyền địa phương xác nhận và có thành tích cung cấp thông tin giúp Đồn Biên phòng T bắt giữ đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, cần cho các bị cáo T, Đ hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS, bị cáo H

hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS.

Đối với các bị cáo D, H đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Do đó cần cho bị cáo D hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 - BLHS, bị cáo H hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS.

[5] Căn cứ vào vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra, kết hợp với việc xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo T, Đ ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên xét bị cáo Đ phạm tội ở vai trò sau của vụ án và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, do đó cần căn cứ Điều 54 - BLHS, xử phạt bị cáo Đ mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với bị cáo D phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo H có nhân thân xấu nhưng bị cáo phạm tội ở vai trò sau và bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc với số tiền ít hơn các bị cáo T, Đ nên cần căn cứ Điều 54 - BLHS, xử phạt các bị cáo H, D mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018, của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thấy các bị cáo H, D có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đều có nơi thường trú rõ ràng nên chưa cần cách ly hai bị cáo này ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hai bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 - BLHS cũng đủ nghiêm.

Đối với bị cáo H thấy rằng bị cáo phạm tôi lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo phạm tội ở vai trò sau của vụ án, nên chưa cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H, D. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo T, Đ là phù hợp. Đối với bị cáo H đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do đó không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án: Khi bắt quả tang hành vi phạm tội của các bị cáo, Công an thị xã Thái Hòa đã thu giữ các vật chứng gồm: Số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng); 01 (một) tấm bạt, kích thước (2,23 x1,73)m, một mặt màu xanh, một mặt màu da cam; 01 (một) chiếc đèn pin màu đen; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (môt) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) con đĩ được cắt từ lá bài tú lơ khơ chất rô, một mặt màu xanh, một mặt màu đỏ, trắng; 01 (môt) chày bằng gỗ màu vàng; 01 (một) trụ bằng sắt, một đầu được mài sắc; 01 (một) thanh gỗ là công cụ, phương tiện mà bị cáo và các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn đồng), tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng trên theo khoản 1 Điều 47 - BLHS; khoản 2 Điều 106 - BLTTHS.

[8] Đối với Trần Đình K là người có mặt lúc các bị cáo tham gia đánh bạc tại lô cao su thuộc xóm P, xã T, thị xã T vào ngày 05/02/2020 nhưng K chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo nên không phạm tội.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 05 (năm) tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 10/02/2020 đến ngày 16/02/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Lê Tân H phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Lê Tân H 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến D phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến D 05 (năm) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt tiền bổ sung 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

Giao các bị cáo D, Hợi về cho UBND xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo D, H thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 - Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo D, H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo D, H phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân H phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt tiền bị cáo Bùi Xuân H 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 - BLHS; khoản 2 Điều 106 - BLTTHS: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.100.000đ (mười tám triệu, một trăm nghìn

đồng); tịch thu, tiêu hủy 01 (một) tấm bạt, kích thước (2,23 x1,73)m, một mặt màu xanh, một mặt màu da cam; 01 (một) chiếc đèn pin màu đen; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (môt) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) con đĩ được cắt từ lá bài tú lơ khơ chất rô, một mặt màu xanh, một mặt màu đỏ, trắng; 01 (môt) chày bằng gỗ màu vàng; 01 (một) trụ bằng sắt, một đầu được mài sắc; 01 (một) thanh gỗ là công cụ, phương tiện mà bị cáo và các đối tượng sử dụng vào việc phạm tội.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo Uỷ nhiệm chi ngày 23/4/2020 vào tài khoản tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà và biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 4 năm 2020 giữa Công an thị xã Thái Hoà và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 - BLDS năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Tiến D, Lê Tân H và Bùi Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, tất cả các bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nới bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên